

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 26 - 9 - 2023.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Bà Nguyễn Thị Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 69A khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1986. Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ nhận thư: Công ty cổ phần thương mại N. Địa chỉ: Đường 25/4 khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn L ngày 27 tháng 01 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đỗ Phương T sinh ngày 29 tháng 11 năm 2015. Hiện nay cháu T đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản thủ tục tố tụng theo luật định nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp:

Ủy ban nhân dân xã T nhận được công văn số 88/2023/CV-TA ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh. Tại địa phương bố mẹ anh L đã chết, anh L có anh trai là Đỗ Văn C. Ủy ban đã giao giấy triệu tập cho anh C nhưng anh C không đến Ủy ban để làm việc với Tòa án. Ngày 22 tháng 8 năm 2023, Tòa án đã gọi điện thoại trực tiếp cho anh L theo số điện thoại 090.222.1823. Anh L có quan điểm: Về tình cảm: anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung: anh chị có 01 con chung Đỗ Phương T sinh ngày 29 tháng 11 năm 2015. Cháu T hiện đang ở với anh được 05 tháng, nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại gia đình anh Đỗ Văn C là anh trai anh L, xác định anh C đi làm công ty, chị B là vợ anh C có mặt ở nhà. Gia đình anh chị có nhận được 03 lần giấy báo của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết. Do bố mẹ chết sớm nên anh L sống cùng vợ chồng anh C chị B. Việc anh L kết hôn với chị N do anh chị tổ chức hôn lễ, không có mâu thuẫn chị em râu. Sau khi kết hôn anh L chị N chung sống ở Quảng Ninh, thỉnh thoảng có về gia đình anh chị chơi 3 - 5 ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N anh L, chị B không biết. Anh L chị N có con chung là Đỗ Phương T. Từ khi nghỉ hè đến nay cháu T ở với anh L, được khoảng 05 tháng. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh L, anh chị không có quan điểm, tùy thuộc vào quyết định của anh L chị N. Chị B đã cung cấp nội dung trên nhưng không ký vào biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của

mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị N anh L đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đỗ Phương T của chị N. Buộc anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu T theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí ly hôn: Chị N phải nộp theo quy định pháp luật. Án phí cấp dưỡng: Anh L phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N anh L là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn L kết hôn ngày 27 tháng 01 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đỗ Phương T sinh ngày 29 tháng 11 năm 2015. Hiện nay cháu T đang ở với chị N. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền là 2.000.000đồng/tháng.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: cháu Đỗ Phương T hiện nay đang ở với chị N. Con Đỗ Phương T có

nguyện vọng ở với chị N. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định học tập đối với cháu T, HĐXX thấy cần giao cháu Đỗ Phương T cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị N về việc buộc anh L cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền là 2.000.000đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: Anh Đỗ Văn L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn L.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Đỗ Phương T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2015.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đỗ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Phương T cùng chị N số tiền 2.000.000đồng/ tháng kể từ tháng 10 năm 2023 đến khi cháu T trưởng thành tự lập.

Anh Đỗ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002310 ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị N phải nộp. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Đỗ Văn L phải nộp 300.000đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Đỗ Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã/phường/thị trấn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng